

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒA VANG
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

Bản án số: 22/2023/HSST
Ngày 09 tháng 3 năm 2023

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng V

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Tấn B
Bà Phan Thị T

Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Trung T - Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, thành phố Đ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, thành phố Đ tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn N - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 03 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện H, thành phố Đ, (Địa chỉ: Khu trung tâm hành chính huyện H, xã H, huyện H, thành phố Đ) xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 116/2022/HSST ngày 05 tháng 12 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2023/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 02 năm 2023 đối với bị cáo:

1/ Họ tên: Lê Đình G, sinh ngày 25/01/1993 tại Hà Nội; Nơi ĐKKHKT: Xã T, huyện B, thành phố H; Chỗ ở: Số 51 Khúc Thừa D, phường N, quận S, TP. Đ; Nghề nghiệp: Lao động phổ thông; Trình độ học vấn: 09/12; Con ông Lê Đình Th (sinh năm: 1966) và bà Chu Thị T (đã chết). Gia đình bị cáo có hai anh em, bị cáo là con thứ nhất; Vợ Nguyễn Thị Diệu H (sinh năm 1993); có hai con, lớn nhất sinh năm 2017, nhỏ nhất sinh năm 2020; Tiền án; tiền sự: Chưa; Bị tạm giam từ ngày 26/8/2022. Có mặt.

2/ Họ tên: Trương Văn L, sinh ngày 05/02/1989 tại Đ; Nơi ĐKKHKT: Tổ 62, phường M, quận S, TP Đ; Chỗ ở: Số 51 Khúc Thừa D, phường Nại Hiên Đ, quận S, TP. Đ; Nghề nghiệp: Lao động phổ thông; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông Trương Văn Đ (đã chết) và bà Đặng Thị C (sinh năm 1945). Gia đình bị cáo có 12 anh chị em, bị cáo là con thứ mười hai; Vợ Trần Ngọc Hương G (sinh năm 1991— hiện đã ly hôn); có ba con, lớn nhất sinh năm 2012, nhỏ nhất sinh năm 2017; Tiền án: Không; Tiền sự: Ngày 15/3/2021, bị Tòa án nhân dân quận S, thành phố Đ ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc số 17, trong thời hạn 13 tháng; Nhân thân: Ngày 30/8/2011, bị Tòa án nhân dân quận S, thành phố Đ tuyên phạt 12 tháng tù, nhưng cho

hưởng án treo về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 61/2011/HSST; Bị tạm giam từ ngày 26/8/2022. Có mặt.

3/ Họ tên: Nguyễn Thị Diệu H, sinh ngày 09/5/1993 tại Đ; Nơi ĐKHKTT: Tổ 37, phường Nại Hiên Đ, quận S, thành phố Đ; Chỗ ở: Số 51 Khúc Thừa D, phường Nại Hiên Đ, quận S, TP. Đ; Nghề nghiệp: Lao động phổ thông; Trình độ học vấn: 09/12; Con ông Nguyễn Văn E (sinh năm: 1971) và bà Lê Thị T (sinh năm 1969). Gia đình bị cáo có bốn chị em, bị cáo là con thứ nhất. Chồng Lê Đình G (sinh năm 1993); có hai con, lớn nhất sinh năm 2017, nhỏ nhất sinh năm 2020; Tiền án/tiền sự: Chưa; Bị cáo Nguyễn Thị Diệu H hiện đang tại ngoại. Có mặt.

- Người bào chữa cho các bị cáo:

2/ Ông Nguyễn Thành Đ - Luật sư, thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước thành phố Đ bào chữa cho bị cáo Lê Đình G. Có mặt.

1/ Ông Trần Văn Đ - Luật sư, thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước thành phố Đ bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị Diệu H. Có mặt.

- Bị hại:

1/ Ông Nguyễn Việt H, sinh năm: 1959; Nơi cư trú: Tổ 37, phường H, quận L, thành phố Đ. Có mặt.

2/ Ông Lê Quang Tr, sinh năm: 1984; Nơi cư trú: Số 1122 Ngô Quyền, phường An Hải Tây, quận S, thành phố Đ. Vắng mặt.

3/ Bà Phạm Thị Th, sinh năm: 1958; Nơi cư trú: Thôn Tà L, xã H, huyện H, thành phố Đ. Vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm: 1978; Nơi cư trú: Tổ 37, phường H, quận L, thành phố Đ. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào trưa ngày 17/6/2022, Lê Đình G điều khiển xe mô tô BKS 43K1-9368 chở vợ là Nguyễn Thị Diệu H đi chơi suối tại thôn Tà L, xã H, huyện H. Trên đường đi G nhìn thấy bên trong khu vườn của ông Lê Quang Tr được rào phía trước bằng lưới B40 và hai bên hông là dây thép gai, có một cây chanh nên G đã chỉ cho H và nói “anh muốn đào cây chanh này về trồng, tý anh lên đào em đi với anh cho vui” thì H đồng ý. Sau đó, G chở H về phòng trọ tại số 51 Khúc Thừa D, phường Nại Hiên Đ, Q. S, thành phố Đ) lấy dụng cụ gồm: 01 xe lôi, 01 cái xẻng, 01 cái xà beng, 01 cái kìm, 01 cửa cầm tay rồi dùng xe mô tô 43K1-9368 kéo xe lôi và dụng cụ đi, còn H đến nhà chú là ông Nguyễn Văn H mượn xe mô tô BKS 43E1- 015.96 đi theo. Khi lên đến nơi G để xe ngoài đường ĐT601, rồi mang dụng cụ lườn người chui qua khoảng trống giữa hai sợi thép

gai bên hông phải khu vườn để vào bên trong, tiếp đó G dùng kìm tháo hàng rào lưới B40 ra và đẩy xe lô vào sát gốc chanh rồi bắt đầu đào, trong khi G đào cây thì H ngồi gần đó chơi điện thoại. Khi G đào cây, cắt nhánh, bó bầu xong lúc kéo cây chanh lên xe lô do cây chanh quá nặng nên G đã nói H giữ cần xe lô để G kéo cây lên xe. Kéo được cây chanh lên xe lô thì G kéo xe ra ngoài đường, khi kéo xe ra đến đường ĐT601 thì do mặt đường cao hơn nên G đã nói H đẩy xe lên giúp mình rồi kéo về. Trên đường G và H kéo cây chanh về thì lúc này anh Phan Văn Cập đang trên đường đi thăm trâu về phát hiện, nghi ngờ G và H đào trộm cây nên anh Cập đã điện báo cho Công an xã H biết, khi G và H về đến Trạm kiểm lâm S thì bị Công an xã H chốt chặn kiểm tra đưa về trụ sở làm việc. Quá trình làm việc thì Lê Đình G và Nguyễn Thị Diệu H đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình.

Ngoài ra Lê Đình G còn khai nhận trong ngày 15/5/2022 và ngày 15/6/2022 còn thực hiện các vụ trộm cắp khác (trong đó có một lần thực hiện cùng Trương Văn L và một lần thực hiện một mình) như sau:

- Vào ngày 15/5/2022, Lê Đình G và Trương Văn L rủ nhau lên núi thuộc khu vực xã H, huyện H để tìm cây cảnh đào đem về bán. Sau đó, G điều khiển xe mô tô 43K1- 9368 chở L lên khu vực núi phía sau đèo M thuộc thôn Tà L, xã H, huyện H, TP Đà Nẵng để tìm cây cảnh, quá trình đi tìm cây thì G nhìn thấy vườn cây của ông Nguyễn Việt H ngay sát đường ĐT601, bên trong trồng nhiều cây cảnh. Trên đường đi về thì G mới nói với L về vườn cây của ông H và rủ L lên đào trộm cây về bán, nghe G nói như vậy thì L đồng ý và nói đề khi nào L sửa xe xong rồi đi. Đến chiều tối ngày 17/5/2022, khi G và L đang ngồi chơi trước dãy trọ (Số 51 Khúc Thừa D, quận S; nơi G và L thuê trọ) thì L nói với G ta sửa xe xong rồi đó, nghe L nói như vậy thì G đi vào phòng lấy xà beng, L thì lấy cái cửa cầm tay. Sau đó G điều khiển xe mô tô BKS 43K1- 9368, L thì điều khiển xe mô tô BKS 92K8 - 8681 đi lên khu vườn của ông H để đào trộm cây cảnh. Khi lên đến vườn cây G và L để xe mô tô bên ngoài đường ĐT601 rồi trèo qua hàng rào vào bên trong, khi vào bên trong G và L nhổ tổng cộng là 14 cây hoa mai. Sau đó G và L mang số cây này ra bên ngoài, rồi buộc lên hai xe mô tô chở về để ở mảnh đất trống ngay bên dãy trọ của mình.

Sau đó, G và L tiếp tục điều khiển xe hai xe mô tô lên lại khu vườn, khi vào lại khu vườn thì G và L nhổ được thêm 10 cây hoa giấy. Khi đi L đi ra phía sau khu vườn thì phát hiện có một căn nhà bằng tôn nhìn vào bên trong không có người nên G và L thay nhau dùng xà beng phá ổ khóa để vào bên trong tìm kiếm tài sản. Trong khi tìm kiếm tài sản thì L và G phát hiện phía sau căn nhà tôn có một nhà kho, nhìn vào bên trong thấy có nhiều máy móc nên L và G tiếp tục sử dụng cây xà beng mang theo để phá ổ khóa, khi phá được ổ khóa thì G và L đi vào bên trong lấy máy móc, thiết bị các loại. Sau đó, L và G mang ra tập kết ngay sát hàng rào, rồi mới mang ra bên ngoài và buộc lên hai xe mô tô chở về cất giấu tại phòng trọ của G, do số lượng máy móc, thiết bị nhiều nên G và L phải chở hai chuyến mới hết được, đối với 10 cây hoa giấy cả hai đã nhổ khỏi chậu thì bỏ lại khu vườn không đem về. Sau khi lấy được số tài sản nói trên thì

đến sáng ngày 18/5/2022 G và L trồng số cây mai ngay ở mảnh đất bên cạnh dãy trọ, còn số máy móc thiết bị khoảng vài ngày sau bán cho một người đi thu mua máy móc thiết bị hư hỏng dạo (hiện chưa xác định được nhân thân lai lịch) được 7.000.000 đồng (bảy triệu đồng), số tiền này G và L chia nhau mỗi người được 3.500.000 đồng (ba triệu năm trăm ngàn đồng) để tiêu xài cá nhân.

- Trước đây khi cùng L lên khu vực núi sau đèo M để tìm cây cảnh thì G đã để ý đến cây chanh trong vườn keo lá tràm của bà Phạm Thị Th có thể đẹp. Đến khoảng 17h00' ngày 15/6/2022, G điều khiển xe mô tô BKS 43K1- 9368 kéo theo xe lôi và mang theo 01 cái xà beng, 01 cái xẻng đào đất lên vườn keo lá tràm của bà Thụ đào trộm cây chanh đã để ý từ trước, đào xong G chở về trồng ngay trước dãy trọ tại số 51 Khúc Thừa D.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 55/KL-HĐĐG ngày 10/8/2022 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên huyện H xác định tài sản mà các đối tượng chiếm đoạt gồm:

- 14 cây mai có giá trị là 16.800.000 đồng (mười sáu triệu tám trăm nghìn đồng);
- 01 bình pin lưu trữ điện năng hiệu Lithium; 03 bình ắc quy Pinaco 24V 190AH; 01 bộ biến tần Inverter 24V 3000W; 01 bộ 500W màu xanh kích thước (20x30)cm; 02 máy phát điện hiệu Honda 3,5KW; 02 máy bơm nước chạy xăng; 01 máy bơm nước chạy bằng xăng hiệu Honda; 01 máy khoan bê tông chạy pin; 03 máy bắn vít có búa chạy pin, hiệu Makita; 01 máy mài cầm tay chạy pin, hiệu Hitachi; 01 máy cắt nhôm để bàn, hiệu Makita; 01 máy cắt gỗ cầm tay, hiệu Makita cỡ lớn; 01 máy cắt gỗ cầm tay cỡ nhỏ, hiệu Makita; 01 sạc bình ắc quy 200AH; 01 sạc Pin; 01 máy phun thuốc cầm tay chạy pin (máy rửa xe cá nhân, hiệu Hitachi); 01 máy cưa xích hiệu Ryobi; 02 máy bào cầm tay, hiệu Makita; 01 bình ắc quy 50AH; 01 Máy hàn điện hiệu Jasic 200A; 01 máy bơm hơi hàn nội địa Nhật Bản; cùng nhiều đồ nghề, vật dụng, pin, máy móc làm vườn, có giá trị tại thời điểm chiếm đoạt 37.125.000 đồng (Năm mươi lăm triệu một trăm hai mươi lăm ngàn đồng). Tổng giá trị tài sản là 53.925.000 đồng (năm mươi ba triệu chín trăm hai mươi lăm nghìn đồng). Đây là số tài sản mà Lê Đình G và Trương Văn L chiếm đoạt của ông Nguyễn Việt H vào ngày 17/5/2022.

- Cây chanh của bà Th có giá trị tại thời điểm bị chiếm đoạt là 3.500.000đ.

- Cây chanh của ông Tr có giá trị tại thời điểm bị chiếm đoạt là 2.500.000đ.

Tang vật tạm giữ: 01 xe mô tô BKS 43K1 – 9368; 01 xe mô tô BKS 43E1 – 015.96; 01 xe mô tô BKS 92K8 – 8681; 01 xe lôi; 01 xà beng; 01 cái xẻng xúc đất; 01 cưa cầm tay; 13 cây hoa mai; 01 bình lưu trữ năng lượng (Không rõ chủng loại); 02 cây chanh.

Xử lý vật chứng

Ngày 21/11/2022, Cơ quan CSĐT Công an huyện H đã ra Quyết định xử lý vật chứng số 45 trả lại cho ông Nguyễn Việt H 01 bình lưu trữ năng lượng, trả lại cho ông Nguyễn Văn H 01 xe mô tô BKS 43E1 – 015.96

Đối với 01 cây chanh của ông Lê Quang Tr, Cơ quan CSĐT Công an huyện H đã trả lại cho ông Trung để ông Trung chăm sóc.

Đối với 14 cây hoa mai và 01 cây chanh, Cơ quan CSĐT Công an huyện H đã tiến hành bàn giao cho bị hại ông Nguyễn Việt H và bà Phạm Thị Th nhưng ông H và bà Th từ chối nhận, theo biên bản kiểm tra vào ngày 17/11/2022, thì 13 cây mai đang trồng tại số 51 Khúc Thừa D, quận S, thành phố Đ đã khô héo và chết dần còn 01 cây chanh đã chết.

Về dân sự: Bị hại Lê Quang Tr đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu bồi thường về dân sự, bà Phạm Thị Th không yêu cầu bồi thường về dân sự; ông Nguyễn Việt H yêu cầu bị can G và L phải bồi thường cho mình số tiền là 108.000.000đ hiện tại G và L chưa bồi thường cho ông H.

Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và cho rằng việc Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện H khởi tố, Viện kiểm sát nhân dân huyện H truy tố và Tòa án nhân dân huyện H xét xử bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 và khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự là đúng pháp luật.

Tại phiên tòa, bị hại ông Nguyễn Việt H trình bày: ông Nguyễn Việt H thay đổi yêu cầu bồi thường chỉ yêu cầu các bị cáo bồi thường với tổng số tiền là 53.000.000đ, gia đình bị cáo Lê Đình G bồi thường được 4.000.000đ, gia đình bị cáo Trương Văn L bồi thường được 2.000.000đ, số tiền còn lại các bị cáo tiếp tục bồi thường là 47.000.000đ.

Tại bản Cáo trạng số 115/CT-VKS ngày 30/11/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện H, thành phố Đ đã truy tố bị cáo Lê Đình G, Trương Văn L về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự; Bị cáo Nguyễn Thị Diệu H về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự;

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa tranh luận tội và tranh luận: Tại phiên tòa, các bị cáo G, L và H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của các bị cáo phù hợp với các chứng cứ, tài liệu, lời khai của người làm chứng và người chứng kiến. Do đó, có căn cứ khẳng định Cáo trạng truy tố các bị cáo Lê Đình G, Trương Văn L

về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự; Bị cáo Nguyễn Thị Diệu H về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng với quy định của pháp luật.

Căn cứ tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội của các bị cáo, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, r, s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Lê Đình G mức án từ 2 năm 06 tháng - 3 năm tù. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Trương Văn L mức án từ 2 - 2 năm 06 tháng tù. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1, 2 Điều 51 và Điều 65 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Diệu H mức án từ 06 – 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 – 18 tháng.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị HĐXX xét xử tuyên tịch thu tiêu hủy các vật chứng dùng vào việc phạm tội 01 xe ô tô; 01 xà beng; 01 cái xẻng và 01 cửa cầm bằng tay vì các vật chứng này không còn giá trị sử dụng.

Qua trình điều tra Cơ qua điều tra đã xử lý vật chứng trả lại tài sản cho người bị hại và đương sự trong vụ án là cơ căn cứ đúng quy định pháp luật nên đề nghị HĐXX không xem xét giải quyết.

(Tất cả các vật chứng nêu trên hiện đang lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, thành phố Đ theo Quyết định chuyển vật chứng số 65/QĐ-VKS ngày 30/11/2022 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện H, thành phố Đ).

Về phần dân sự: Tại phiên tòa, bị hại ông Nguyễn Việt H yêu cầu các bị cáo bồi thường tổng số tiền là 53.000.000đ, gia đình bị cáo Lê Đình G bồi thường được 4.000.000đ, gia đình bị cáo Trương Văn L bồi thường được 2.000.000đ, số tiền còn lại các bị cáo tiếp tục bồi thường là 47.000.000đ.

Các bị hại còn lại trong vụ án, quá trình điều tra đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu bồi thường gì khác nên không xem xét giải quyết.

Luật sư Nguyễn Thành Đ bào chữa cho bị cáo Lê Đình G và bị cáo tự bào chữa: Thống nhất với tội danh và điều luật mà Viện kiểm sát nhân dân huyện H đã truy tố đối với bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đến hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn. Sau khi phạm tội bị cáo thành khẩn khai báo, biết ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, đã tác động gia đình bồi thường cho bị hại được 4.000.000đ và được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng theo quy định tại điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để xét xử bị cáo mức hình phạt thấp nhất.

Luật sư Trần Văn Đ bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị Diệu H và bị cáo tự bào chữa: Thống nhất với tội danh và điều luật mà Viện kiểm sát nhân dân huyện H đã truy tố đối với bị cáo. Tuy nhiên, khi lượng hình đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đến hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, bị cáo phạm tội do rủ rờ, giúp sức đứng giữ xe cho chồng mình là bị cáo Lê Đình G phạm tội, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Sau khi phạm tội bị cáo thành khẩn khai báo, biết ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, tài sản đã thu hồi trả lại cho bị hại, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng theo quy định tại điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để xét xử bị cáo xử phạt bị cáo mức án thấp nhất là cải tạo không giam giữ để bị cáo có điều kiện lo cho gia đình lo cho các con còn nhỏ.

Các bị cáo Lê Đình G, Trương Văn L và Nguyễn Thị Diệu H nói lời sau cùng, các bị cáo biết hành vi trộm cắp tài sản của người khác là sai trái, biết ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình và xin lỗi người bị hại, mong HĐXX xem xét xử bị cáo mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện H, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự; Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng; Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét về hành vi phạm tội của bị cáo thì thấy: Trong khoảng thời gian từ ngày 17/5/2022 đến ngày 17/6/2022, lợi dụng sơ hở của các chủ sở hữu trong quản lý tài sản các bị cáo Lê Đình G, Trương Văn L và Nguyễn Thị Diệu H đã lén lút thực hiện 04 vụ trộm cắp tài sản tại thôn Tà L, xã H, huyện H, thành phố Đ, với tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 59.925.000đ. Trong đó, Lê Đình G và Trương Văn L tham gia thực hiện 02 trộm cắp của ông Nguyễn Việt H gồm: 14 cây mai (có giá trị là 16.800.000đ) và các thiết bị 01 bình pin lưu trữ điện năng, máy phát điện, bình ắc quy, Máy hàn điện, máy bơm hơi hàn... cùng nhiều đồ nghề, vật dụng, pin, máy móc làm vườn (có trị giá 37.125.000đ). Tổng giá trị tài sản là 53.925.000đ; Lê Đình G và Nguyễn Thị Diệu H tham gia thực hiện 01 vụ trộm cắp của ông Lê Quang Tr 01 cây chanh (có giá trị tại thời điểm bị chiếm đoạt là 2.500.000đ); Lê Đình G tự mình thực hiện 01 vụ trộm cắp của bà Phạm Thị Th 01cây chanh (có giá trị là 3.500.000đ). Hành vi phạm tội của các bị cáo Lê Đình G, Trương Văn L và Nguyễn Thị Diệu H đã đủ các yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại Điều 173 của Bộ luật hình sự.

[3] Xét các bị cáo Lê Đình G tham gia 4 vụ, tổng trị giá tài sản trộm cắp là 59.925.000đ; bị cáo Trương Văn L tham gia 02 vụ, tổng trị giá tài sản bị trộm cắp là 53.925.000đ. Hành vi phạm tội của các bị cáo Lê Đình G và Trương Văn L đã phạm vào tình tiết định khung hình phạt theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự. Bị cáo Nguyễn Thị Diệu H tham gia thực hiện 01 vụ, tài sản trộm cắp có giá trị là 2.500.000đ nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

[4] Xét thấy đây là vụ án đồng phạm có nhiều bị cáo tham gia, mỗi lần trộm cắp tài sản đều có từ 02 bị cáo cùng thực hiện, chỉ có 01 lần do bị cáo G một mình thực hiện, các bị cáo không có sự bàn bạc về chuẩn bị công cụ, phương tiện phạm tội từ trước và ăn chia tài sản chiếm đoạt được với nhau, không có sự phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng người, không có người cầm đầu, giữa các bị cáo chưa có sự cấu kết chặt chẽ trong quá trình thực hiện tội phạm nên không thuộc trường hợp phạm tội đồng phạm có tổ chức theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Bộ luật hình sự.

[5] Xét về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội của bị cáo, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ thì thấy: Các bị cáo nhận thức được việc xâm phạm đến tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng với

bản tính lười lao động, muốn nhanh chóng có tiền tiêu xài để thỏa mãn nhu cầu của bản thân mà các bị cáo đã bất chấp pháp luật đứng ra nhiều lần đi trộm cắp tài sản của người khác để bán kiếm tiền chia nhau tiêu xài. Xét hành vi phạm tội của các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội, bị cáo G thực hiện 04 lần trộm cắp, bị cáo L thực hiện 02 lần trộm cắp nên các bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự phạm tội nhiều lần theo quy định tại điểm g, khoản 1, Điều 52 Bộ luật Hình sự nên cần phải xét xử với mức án thật nghiêm minh. Tuy nhiên, sau khi phạm tội và tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo thành khẩn khai báo, bị cáo G và L đã tác động gia đình bồi thường cho bị hại được 6.000.000đ điều đó thể hiện sự ăn năn hối cải của các bị cáo, tại phiên tòa bị hại ông Nguyễn Việt H xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Bị cáo G, H có nhân thân tốt, bị cáo H phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên khi lượng hình Hội đồng xét xử xem xét về nhân thân, tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng theo quy định tại Điều 50, điểm b, r, s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo mức án phù hợp.

[6] Trong vụ án này, bị cáo Lê Đình G và Trương Văn L đều là người khởi xướng đứng ra thực hiện hành vi phạm tội. Ngoài 02 lần tham gia trộm cắp cùng với L, bị cáo G còn tham gia 02 vụ trộm cắp khác, trong đó bị cáo tự mình thực hiện 01 vụ và rủ rê vợ mình là Nguyễn Thị Diệu H tham gia trộm cắp 01 vụ. Tài sản trộm được đều mang về phòng trọ của G cất giấu và tìm người để tiêu thụ nên vai trò của bị cáo G trong vụ án này là quang trọng nhất, do đó mức án đối với bị cáo G phải nghiêm minh so với bị cáo L. Bị cáo L là người có nhân thân xấu, đã có 01 tiền án về tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học cho bản thân mà tiếp tục phạm tội, trong 02 lần tham gia trộm cắp cùng với G, bị cáo và G cùng nhau khởi sự, trong quá trình phạm tội bị cáo tham gia với vai trò thực hành tích cực, tài sản trộm cắp được bị cáo và G bán chia đôi nên mức án bị cáo cũng phải nghiêm minh. Đối với bị cáo Nguyễn Thị Diệu H (vợ của bị cáo G) khi nghe G rủ đi trộm cắp tài sản lẽ ra bị cáo phải can ngăn nhưng ngược lại bị cáo lại nhận lời giúp sức cho G thực hiện hành vi phạm tội. Tuy nhiên, bị cáo chỉ tham gia 01 vụ, tài sản chiếm đoạt 2,5 triệu đồng. Bị cáo H có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu do bị rủ rê, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn 02 con còn nhỏ, trong vụ án này bị cáo với G là vợ chồng, bị cáo hiện là lao động chính trong gia đình, có công việc ổn định và có nơi cư trú rõ ràng. Căn cứ vào Điều 65 của Bộ luật hình sự và Nghị Quyết số:02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, HĐXX xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra ngoài xã hội để cải tạo, giáo dục mà giao bị cáo về chính quyền địa phương để giám sát giáo dục cũng đủ tác dụng giáo dục đối với bị cáo và đồng thời thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, ông Nguyễn Việt H yêu cầu các bị cáo Lê Đình G và Trương Văn L bồi thường tổng số tiền là 53.000.000đ, gia đình bị cáo Lê Đình G bồi thường được 4.000.000đ, gia đình bị cáo Trương Văn L bồi thường được 2.000.000đ, số tiền còn lại các bị cáo tiếp tục bồi thường là

47.000.000đ. Xét yêu cầu trên của bị hại là phù hợp với căn cứ Điều 589 của Bộ luật dân sự nên HĐXX chấp nhận, buộc các bị cáo phải bồi thường số tiền trên cho ông Nguyễn Việt H. Chia phần cụ thể như sau, bị cáo Lê Đình G bồi thường 26.500.000đ, đã bồi thường 4.000.000đ, số tiền còn lại bị cáo phải tiếp tục bồi thường là 22.500.000đ; Bị cáo Trương Văn L bồi thường 26.500.000đ, đã bồi thường 2.000.000đ, số tiền còn lại bị cáo phải tiếp tục bồi thường là 24.500.000đ.

[8] Đối với bị hại Lê Quang Tr, bà Phạm Thị Th vắng mặt nhưng quá trình điều tra ông Trung đã được nhận lại tài sản và không có yêu cầu bồi thường về dân sự, bà Phạm Thị Th cũng không yêu cầu các bị cáo bồi thường về dân sự. Như vậy, phần bồi thường dân sự được thỏa thuận giải quyết xong tại Cơ quan điều tra, người bị hại ông Trung, bà Thụ không có yêu cầu các bị cáo bồi thường nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[9] Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện H đã giải quyết xử lý vật chứng trả lại tài sản thu giữ cho bị hại và các đương sự trong vụ án là có căn cứ đúng với quy định của pháp luật nên HĐXX không xem xét giải quyết. Đối với các vật chứng 01 xe ô tô; 01 xà beng; 01 cái xẻng và 01 cửa cầm bằng tay, đây là phương tiện các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội, xét thấy các tài sản trên không còn giá trị sử dụng, căn cứ vào Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 47 của Bộ luật hình sự cần tuyên tịch thu tiêu hủy.

(Tất cả các vật chứng nêu trên hiện đang lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, thành phố Đ theo Quyết định chuyển vật chứng số 65/QĐ-VKS ngày 30/11/2022 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện H, thành phố Đ).

[10] Án phí: Các bị cáo Lê Đình G, Trương Văn L và Nguyễn Thị Diệu H mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo Lê Đình G, Trương Văn L chịu 2.350.000đ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về việc "Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, sử dụng án phí lệ phí Tòa án" của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[11] Lời phát biểu đề nghị áp dụng pháp luật và mức hình phạt của đại diện Viện kiểm sát đối với các bị cáo là có căn cứ pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Lê Đình G, Trương Văn L và Nguyễn Thị Diệu H phạm tội “Trộm cắp tài sản”

1/ Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: bị cáo Lê Đình G 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, thời gian thụ hình tính từ ngày bắt giam 26/8/2022.

2/ Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: bị cáo Trương Văn L 02 (hai) năm tù, thời gian thụ hình tính từ ngày bắt giam 26/8/2022.

3/ Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51 và Điều 65 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: bị cáo Nguyễn Thị Diệu H 06 (sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 12 (mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Nguyễn Thị Diệu H về Ủy ban nhân dân phường Nại Hiền Đ, quận S, thành phố Đ để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Nếu bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp người được hưởng án treo phạm tội mới trong thời gian thử thách thì Tòa án quyết định hình phạt đối với tội phạm mới và tổng hợp hình phạt tù với bản án trước theo quy định tại Điều 55 và Điều 56 của Bộ luật hình sự.

Bị cáo tiếp tục chấp hành Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến khi có Quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

4/ Về trách nhiệm Dân sự: Căn cứ Điều 589 của Bộ luật dân sự

Tuyên xử: Bộc bị cáo Lê Đình G và Trương Văn L bồi thường cho ông Nguyễn Việt H số tiền 53.000.000đ (năm mươi ba triệu đồng), chia phần cụ thể như sau:

- Bị cáo Lê Đình G bồi thường 26.500.000đ (hai mươi sáu triệu năm trăm ngàn đồng), bị cáo đã bồi thường 4.000.000đ (bốn triệu), số tiền còn lại bị cáo phải tiếp tục bồi thường là 22.500.000đ (hai mươi hai triệu năm trăm ngàn đồng).

- Bị cáo Trương Văn L bồi thường 26.500.000đ (hai mươi sáu triệu năm trăm ngàn đồng), bị cáo bồi thường 2.000.000đ (hai triệu đồng), số tiền còn lại bị cáo phải tiếp tục bồi thường là 24.500.000đ (hai mươi bốn triệu năm trăm ngàn đồng).

5/ Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 47 của Bộ luật hình sự.

Tuyên xử: Tịch thu tiêu hủy 01 xe lô; 01 xà beng; 01 cái xẻng và 01 cưa cầm bằng tay.

(Tất cả các vật chứng nêu trên hiện đang lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, thành phố Đ theo Quyết định chuyển vật chứng số 65/QĐ-VKS ngày 30/11/2022 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện H, thành phố Đ).

6/ Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về việc "Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, sử dụng án phí lệ phí Tòa án" của Ủy ban thường vụ quốc hội.

Tuyên xử: Các bị cáo Lê Đình G, Trương Văn L và Nguyễn Thị Diệu H mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo Lê Đình G, chịu 1.125.000đ (một triệu một trăm hai mươi lăm ngàn đồng), bị cáo Trương Văn L chịu 1.225.000đ (một triệu hai trăm hai mươi lăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

7/ Bị cáo, bị hại có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị hại, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Bị cáo; Bị hại; Đương sự;
- VKSND huyện H;
- VKSND thành phố Đ;
- Cơ quan CSĐT CA huyện H;
- Cơ quan THAHS CA huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Hoàng Vũ